

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DS-PT
Ngày 24-02-2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Kim Cửa

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2020/TLPT-DS ngày 15/12/2020 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện CT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2021/QĐ-PT ngày 13/01/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp PK, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1978

Địa chỉ: tổ H, ấp PH, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1977

Địa chỉ: tổ 2, ấp PH, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông H: Ông Nguyễn Tiên D, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/01/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị L trình bày:

Bà và bà T là hàng xóm, bà có tham gia dây hội do bà T làm chủ hội cụ thể:

Hội 2.000.000 đồng mở ngày 20/10/2017 âm lịch, mãn ngày 20/5/2019 âm lịch, hội mở mỗi tháng một lần, gồm 20 phần, bà tham gia một phần. Ngày 30/01/2019 âm lịch bà T vỡ hội, bà đã góp được 16 tháng, bà T còn nợ bà số tiền 2.000.000 đồng x 16 tháng = 32.000.000 đồng.

Hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2018 âm lịch mãn ngày 10/01/2020, mở mỗi tháng một lần, hội gồm 20 phần, bà tham gia một phần. Ngày 30/01/2019 âm lịch bà T vỡ hội bà đã góp được 8 tháng là 16.000.000 đồng.

Hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/6/2017 âm lịch mãn ngày 30/01/2019 âm lịch, hội mở mỗi tháng một lần, hội gồm 20 phần, bà tham gia hai phần. Một phần bà đã lĩnh ngày 30/11/2018 số tiền 35.800.000 đồng. Sau khi lĩnh đến ngày 30/12/2018 bà đã góp hội còn thiếu 2.000.000 đồng. Còn một phần ngày 30/01/2019 âm lịch, bà lĩnh với số tiền 37.000.000 đồng, nhưng bà T chỉ giao cho bà có 20.000.000 đồng. Bà còn nợ bà T một kỳ. Như vậy bà T nợ bà dây hội này là 15.000.000 đồng.

Hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/02/2018 âm lịch mãn ngày 25/9/2019, hội mở mỗi tháng một lần, hội gồm 20 phần, bà tham gia một phần. Ngày 30/01/2019 âm lịch bà T tuyên bố vỡ hội, bà đã góp đến ngày 25/12/2018 là 11 tháng là 22.000.000 đồng.

Hội 2.000.000 đồng mở ngày 06/9/2018 âm lịch mãn ngày 06/04/2020, hội mở mỗi tháng một lần, gồm 20 phần, bà tham gia 01 phần. Ngày 30/01/2020 âm lịch bà T tuyên vỡ hội, bà đã góp được 5 tháng số tiền là 10.000.000 đồng.

Từ ngày bà T tuyên vỡ hội đến nay bà T đã trả cho bà 19.000.000 đồng, còn nợ lại là 76.000.000 đồng. Bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T và ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hội là 76.000.000 đồng không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo H giải theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà T và ông H đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của bà T, ông H đồng thời cũng không thể tiến hành hòa giải được.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện CT đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân

dân huyện CT đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T liên đới cùng chồng là ông Huỳnh Văn H trả cho bà Trần Thị L số tiền 76.000.000 (Bảy mươi sáu triệu) đồng.

Ghi nhận bà Trần Thị L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/10/2020, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Huỳnh Văn H kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông H đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của bà T, ông H, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CT.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện CT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vào khoảng tháng 06/2017 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch bà L có tham gia 05 dây hụi do bà T là chủ hụi. Đến ngày 30/01/2019, bà T tuyên bố vỡ hụi. Theo các phần hụi đã góp thì bà T còn nợ bà L số tiền 95.000.000 đồng, sau đó bà T có trả cho bà L số tiền 19.000.000 đồng. Do vậy, bà L khởi kiện yêu cầu bà T liên đới cùng chồng là ông H trả cho bà L số tiền 76.000.000 đồng, không yêu cầu

tính lãi. Bà T, ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

[2] Theo giấy xác nhận ngày 29/4/2020 của bà Đỗ Kim L1, ông Võ Huy H1, bà Nguyễn Thị Ngọc D1 là hội viên cùng tham gia các dây hụi với bà L; đối chiếu với các giấy hụi bà L cung cấp có căn cứ xác định bà Trần Thị L, tên gọi khác là Năm K có tham gia các dây hụi ngày 30/6/2017 (âm lịch), 20/10/2017 (âm lịch), 10/6/2018 (âm lịch) 25/02/2018 (âm lịch), 06/9/2018 (âm lịch). Sau khi khấu trừ số tiền 19.000.000 đồng bà T đã trả sau khi vỡ hụi thì bà T còn nợ bà L số tiền 76.000.000 đồng là có cơ sở.

Xét thấy, trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, mặc dù bà T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình nên cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử theo quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T thừa nhận danh sách hội viên do bà L cung cấp là của bà T viết nhưng cho rằng bà T đã tất toán xong nợ hụi với bà L, nếu bà T còn nợ thì phải có giấy chốt nợ. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của bà T là có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Theo biên bản xác minh ngày 22/7/2020, bà T, ông H đăng ký kết hôn từ năm 2002, hiện cùng chung sống tại địa phương. Do vậy, ông H có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ theo quy định tại điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim T, ông Huỳnh Văn H.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Kim T, ông Huỳnh Văn H mỗi người phải chịu là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim T, ông Huỳnh Văn H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện CT. Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 và Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T, ông Huỳnh Văn H liên đới trả cho bà Trần Thị L số tiền 76.000.000 (Bảy mươi sáu triệu) đồng.

Ghi nhận bà Trần Thị L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bà Trần Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Kim T, ông Huỳnh Văn H chưa thi hành xong số tiền trên thì bà Nguyễn Thị Kim T, ông Huỳnh Văn H phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim T, ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm liên đới chịu số tiền 3.800.000 (Ba triệu tám trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.900.000 (Một triệu chín trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009716 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Bến Tre.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T, ông Huỳnh Văn H mỗi người phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lần lượt theo biên lai số 0001520, 0001521 cùng ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Bến Tre. Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị Kim T, ông Huỳnh Văn H đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương